

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo
của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Trình độ đại học		
		Hệ đại học chính quy	Hệ đại học liên thông	Hệ liên kết Thiên Tân
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thông tin liên quan đến các điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký xét tuyển: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo</p> <p>- Quy định tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>- Điểm trúng tuyển theo ngành. Trong xét tuyển đợt 1: Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2019, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng kí. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thi Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Lý – Hóa vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>+ Với tổ hợp xét tuyển Toán –Hóa - Sinh vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>+ Sau khi xét thêm điều kiện phụ, nếu vẫn còn vượt chỉ</p>	<p>I. Điều kiện của người dự tuyển liên thông:</p> <p>Thí sinh dự tuyển liên thông trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ liên thông chính qui năm 2019 phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp Y sĩ (Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa, hoặc bằng y sĩ khác)</p> <p>II. Phương thức tuyển sinh:</p> <p>1. Chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2019 (Học viện không tổ chức kì thi riêng).</p> <p>2. Đảm bảo chất lượng đầu vào</p>	<p>I. Điều kiện dự xét tuyển:</p> <p>- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;</p> <p>- Có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng;</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;</p> <p>- Nếu là công dân nước ngoài: phải có bằng tốt nghiệp tương đương Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của Việt Nam</p> <p>II. Quyền lợi của sinh viên khi tham gia chương trình Liên kết đào tạo</p>

	<p>tiêu thi ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).</p> <p>Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Đối tượng ưu tiên xét tuyển: (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng). Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh, Lý sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp môn thi có môn đó, cụ thể như sau: Đạt giải Nhất: cộng 3,0 điểm; Đạt giải Nhì: cộng 2,0 điểm; Đạt giải Ba: cộng 1,0 điểm; Đạt giải Khuyến khích: cộng 0,5 điểm.</p> <p>Đối tượng xét tuyển thẳng: Đối tượng được xét tuyển thẳng vào Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam theo qui định tại điểm i, khoản 2, điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018, tiếp tục được chỉnh sửa theo Điều 2 của Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải có các điều kiện sau: Có điểm trung bình các bài thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6 điểm trở lên; Điểm trong Học bạ của các môn thuộc tổ hợp môn thi theo từng ngành đạt từ 7,0 điểm trở lên ở cả 3 năm học cấp THPT.</p> <p>- Mọi thông tin chi tiết về tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử: www.vutm.edu.vn</p>	<p>đại học khối ngành sức khỏe theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>3. Nếu số thí sinh có điểm xét tuyển đạt điều kiện quy định tại mục 2 cao hơn số chỉ tiêu thì điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.</p> <p>4. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thí sinh sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>III. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018, tiếp tục được chỉnh sửa theo Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</p>	<p>- Được học song ngữ Trung - Việt;</p> <p>- Được tiếp cận với kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, được đội ngũ giảng viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm giảng dạy;</p> <p>- Sinh viên học tập đạt kết quả cao, tích cực tham gia công tác tập thể và xã hội sẽ được khen thưởng; Và được đề nghị xét cấp học bổng khi đến học tại Đại học Trung y được Thiên Tân.</p> <p>- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc sẽ được xét nhận học bổng Thạc sỹ theo quy định;</p> <p>- Theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh và chữa bệnh.</p> <p>- Thông tư số 42/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ Y tế Quy định về đào tạo bổ sung đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp.</p> <p>- Sinh viên tốt nghiệp được tham gia thi thạc sỹ tại Việt Nam theo quy định hiện hành</p>
--	--	--	---

<p style="text-align: center;">II</p>	<p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>I. Bác sĩ Đa khoa 1. Yêu cầu về thái độ - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tận trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 2. Về kiến thức - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. 3. Về kỹ năng - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường; - Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế</p>	<p>I. Bác sĩ Y học cổ truyền 1. Yêu cầu về thái độ - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tận trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 2. Về kiến thức - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ; - Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính</p>	

hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;

- Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục;
- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;
- Thực hiện được công tác tư vấn, giao dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
- Tham gia nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập;
- Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao;
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.

II. Bác sĩ Y học cổ truyền

1. Yêu cầu về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tận trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

2. Về kiến thức

sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. Về kỹ năng

- Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ;
- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;
- Chi định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường;
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ;
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ;
- Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở;
- Thực hiện được công tác tư vấn, giao dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe

	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ; - Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ; - Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; - Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ; - Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở; - Thực hiện được công tác tư vấn, giao dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; - Tham gia nghiên cứu khoa học; - Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; 	<ul style="list-style-type: none"> nhân dân; - Tham gia nghiên cứu khoa học; - Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; - Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao; - Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn) để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.
--	--	---

- Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao;
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn) để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.

III. Dược sĩ

1. Yêu cầu về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân: tận trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

2. Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và dược học trong quản lý, sản xuất, cung ứng, bảo quản, hướng dẫn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng;
- Có kiến thức của các môn cơ sở ngành thực vật, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, độc chất, sinh hóa ... tạo điều kiện cho việc học tập các môn chuyên ngành;
- Có kiến thức về các nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, cơ chế tác dụng và quá trình dược động học của thuốc trong cơ thể;
- Hiểu biết được đặc điểm thực vật để nhận biết cây thuốc, thành phần hóa học chính và hàm lượng, bộ phận dùng, công dụng, liều dùng của một số cây thuốc

và vị thuốc thông thường và phổ biến;

- Hiểu được công thức, cấu tạo, tính chất, cơ chế tác dụng, hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ, phương pháp tổng hợp các thuốc hóa dược;

- Có kiến thức về đặc điểm của các dạng bào chế, yêu cầu chất lượng trong việc thiết kế công thức và quy trình bào chế một số dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới;

- Có phương pháp phân tích, kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng thuốc;

- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; các quy định về luật dược; những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng thuốc.

3. *Về kỹ năng*

- Thực hiện được nghiên cứu quy trình sản xuất thuốc và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất đáp ứng được nhu cầu của thị trường;

- Tư vấn được cho thầy thuốc chỉ định thuốc và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;;

- Tham gia vào việc đảm bảo chất lượng thuốc, cung ứng thuốc, một số dụng cụ y tế và mỹ phẩm;

- Thực hiện được kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch về dược trong các cơ sở y tế cộng đồng và các hoạt động chuyên môn về dược;

- Chiết xuất được các thành phần hóa học trong cây thuốc và biết kiểm nghiệm các thành phần thuốc;

- Tham gia nghiên cứu khoa học;

- Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập;

- Thực hiện được năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác được giao;

		- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Người học được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của sinh viên;</p> <p>Được sử dụng Thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy – học của Học viện;</p> <p>Được tham gia học tập, nghiên cứu tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh và các bệnh viện thực hành; các cơ sở thực tập cộng đồng, thực tập nghề nghiệp của Học viện;</p> <p>Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan;</p> <p>Tạo mọi điều kiện cho sinh viên học tập, NCKH, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao;</p> <p>Thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên;</p> <p>Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác và kịp thời.</p>		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo theo Module</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bác sĩ Đa khoa 2. Bác sĩ Y học cổ truyền 3. Dược sĩ đại học 	Bác sĩ y học cổ truyền	Cử nhân Y học cổ truyền
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>*Ngành Y đa khoa, YHCT</p> <p>Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước</p>	Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước	Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước

		ngoài nước - Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học * Ngành Dược Dược sĩ chuyên khoa cấp I, II Thạc sĩ, Tiến sĩ	- Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học	nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	1. Bác sĩ đa khoa - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân. 2. Bác sĩ YHCT: - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân. 3. Dược sĩ đại học: - Đảm nhiệm các vị trí công tác dược tại nhà thuốc, công ty dược, khoa dược, bệnh viện, nhà máy dược phẩm, trường đại học Y Dược, viện nghiên cứu; Sở y tế, các trung tâm y tế và các cơ sở y tế khác có liên quan đến ngành Dược.	Bác sĩ YHCT: - Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân.	- Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, khám chữa bệnh tại khoa YHCT của các bệnh viện Trung ương và địa phương, công lập và tư nhân.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2019 *tan*

HỌC VIÊN **GIÁM ĐỐC**
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

Đậu Xuân Cảnh
Đậu Xuân Cảnh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2019 – 2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Sau đại học					Đại học		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	Nội trú	CKI	Chính quy	Liên thông	Thiên Tân
1	Khối ngành khoa học sức khỏe	11	208	27	06	292	4.234	291	209

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
1	Khối ngành khoa học sức khỏe (Bác sĩ Y học cổ truyền)	805	0	17 (2,11%)	564 (70,06%)	87,3%

C. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Ký sinh trùng y học	2011	
2	GT thái cực quyền dưỡng sinh.	2010	
3	Đông dược YHCT	2010	
4	BG Tác động cột sống (bộ 2 tập)	2013	
5	BG bệnh học nội khoa YHCT	2015	
6	BG điều trị học nội khoa YHCT	2015	
7	Nội kinh chọn lọc	2015	
8	Cơ sở biện chứng bệnh sinh YHCT	2015	
9	GT ngoại khoa YHCT	2016	
10	GT nội khoa YHCT	2017	
11	GT truyền thông - Giáo dục sức khỏe	2017	
12	Giáo trình hướng dẫn thực tập cộng đồng	2017	
13	GT hướng dẫn chương trình y tế quốc gia	2017	
14	Kinh dịch điển giảng	2006	
15	Thiệt chân	2006	
16	Thương hàn luận theo thang chứng	2006	
17	Điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	2006	

D. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Nghiên cứu một số đặc điểm huyết áp tích L5 và tác dụng của điện châm huyết này trong điều trị đau thắt lưng do thoái hóa cột sống.	Phùng Văn Tân	1. PGS.TS Nguyễn Bá Quang 2. PGS.TS Đậu Xuân Cảnh	
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu tính an toàn, tác dụng điều chỉnh rối loạn chuyển hóa lipid máu của bài thuốc HSN trên thực nghiệm và lâm sàng	Trần Thị Hồng Ngãi	1. PGS.TS Nguyễn Duy Thuần 2. PGS.TS Nguyễn Thế Thịnh	
3	Tiến sĩ	Nghiên cứu độc tính, tác dụng an thần trên thực nghiệm và điều trị mất ngủ không thực tồn trên lâm sàng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần	Nguyễn Văn Tâm	1. PGS.TS Đỗ Thị Phương 2. PGS.TS Nguyễn Trần Thị Giáng Hương	
4	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng giảm đau của bài thuốc TK1 kết hợp điện châm điều trị bệnh nhân thoái hóa khớp gối nguyên	Tô Mạnh Cảnh	TS. Lê Thị Kim Dung	

		phát			
5	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị viêm quanh khớp vai thể đơn thuần của bài thuốc TK1 kết hợp xoa bóp bấm huyệt	Hoàng Huyền Châm	1.TS. Huỳnh Quang Huy 2. PGS.TS Đậu Xuân Cảnh	
6	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của viên nang cứng "Đại tràng kháng ninh HV" trong hỗ trợ điều trị bệnh nhân có hội chứng ruột kích thích thể lỏng.	Phạm Duy Cương	TS. Phạm Việt Hoàng	
7	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả lợi sữa của bài thuốc "Sinh hóa thang" trên sản phụ sau sinh thiếu sữa	Vũ Cao Điền	1.TS. Vũ Minh Hoàn 2. TS. Tống Thị Tam Giang	
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm chứng hậu Y học cổ truyền bệnh nhân rối loạn lipid máu	Cao Minh Hải	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	
9	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của điện châm kết hợp tập dưỡng sinh trong điều trị huyết áp thấp	Vũ Đức Hải	TS. Phạm Hồng Vân	

10	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị của bài thuốc "Tất thưng phương" trên bệnh nhân tràn dịch khớp gối do thoái hóa	Nguyễn Thị Hạnh	1.TS. Huỳnh Quang Huy 2. PGS.TS Đậu Xuân Cảnh	
11	Thạc sĩ	Đánh giá độc tính và tác dụng cầm máu của Bảy lá một hoa trên thực nghiệm	Lê Thị Hiền	1.PGS.TS Nguyễn Duy Thuần 2.PGS.TS Đỗ Thị Hà	
12	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng ức chế của dịch chiết và một số hoạt chất từ rễ cây Chóc máu nam (<i>Salacia cochinchinensis</i> L.) trên dòng tế bào ung thư	Phạm Thị Thu Hiền	1..PGS.TS Nguyễn Duy Thuần 2. PGS.TS Phương Thiện Thương	
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối liên quan giữa các chỉ số Lipid máu với thể bệnh Y học cổ truyền trên bệnh nhân rối loạn Lipid máu	Nguyễn Thị Hòa	TS. Luu Minh Châu	
14	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị của phương pháp điện châm kết hợp tập dưỡng sinh trên bệnh nhân đau	Tống Quang Huy	TS. Lê Thị Kim Dung	

		cổ gáy do thoái hóa đốt sống cổ			
15	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị thoái hóa khớp gối của bài thuốc "Khớp gối HV"	Ngô Thọ Huy	TS. Nguyễn Tiến Chung	
16	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau dây thần kinh hông to bằng phương pháp Nhu châm kết hợp bài thuốc TK1	Nguyễn Xuân Huỳnh	TS. Trần Đức Hữu	
17	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ của viên nang Tiêu đường khang HV trong điều trị đái tháo đường type 2 trên lâm sàng	Tạ Quang Mùi	PGS. TS Nguyễn Thế Thịnh	
18	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị bệnh trứng cá thể thông thường trên lâm sàng bằng kem Rojelan	Vũ Nguyễn Trà My	1.TS. Trần Văn Thanh 2. PGS.TS Lê Thị Thanh Nhật	
19	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng điều trị của bài thuốc "Vai gáy HV" trên bệnh nhân đau vùng cổ gáy	Phan Văn Nam	TS Nguyễn Tiến Chung	

20	Thạc sĩ	Đánh giá độc tính và tác dụng điều chỉnh lipid máu của viên nén bao phim GANMO trên thực nghiệm	Hà Thị Bích Ngọc	TS. Phạm Bá Tuyền	
21	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của viên nang Bảo thận kháng HV trong hỗ trợ điều trị bệnh thận đái tháo đường trên lâm sàng	Phạm Bá Nhất	PGS.TS Lê Thị Thanh Nhạn	
22	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc TK1 kết hợp điện châm điều trị đau thắt lưng do thoái hóa cột sống	Đoàn Thị Nhung	TS. Lê Thị Kim Dung	
23	Thạc sĩ	Đánh giá độc tính cấp và một số tác dụng dược lý của bài thuốc "Thông xoang HV" trên thực nghiệm	Phạm Đình Quân	TS Trần Văn Thanh	
24	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị hội chứng ruột kích thích của bài thuốc "Kiện tỳ hành khí chỉ tả thang" trên lâm sàng	Dương Thị Quyên	PGS.TS Phạm Quốc Bình	

25	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của viên nang Tiền liệt HV trong điều trị bệnh nhân tăng sản lành tính tuyến tiền liệt	Nguyễn Thị Như Quỳnh	PGS.TS Lê Thị Thanh Nhạn	
26	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả điều trị thoái hóa khớp gối bằng điện châm kết hợp vận động trị liệu	Ninh Thái Sơn	TS. Phạm Bá Tuyền	
27	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng bài thuốc "Ngủ ngon dưỡng tâm HV" kết hợp bài tập thư giãn trong điều trị mất ngủ không thực tổn	Phạm Quang Thành	PGS.TS Phạm Thúc Hạnh	
28	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc "Phong thấp HV" kết hợp điện châm điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng trên lâm sàng	Trần Tuấn Thành	PGS.TS Phạm Thúc Hạnh	
29	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng cai nghiện thuốc lá của phương pháp Nhĩ áp kết hợp Xoa bóp bấm huyệt	Châu Thị Thanh Thảo	TS Trần Thái Hà	

30	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của cao chiết TC trong điều trị trứng cá thông thường	Vũ Thị Phương Thảo	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	
31	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị bằng bài thuốc "ĐNH" trên bệnh nhân đột quỵ não thể nhồi máu sau giai đoạn cấp	Mai Văn Thông	PGS.TS Đoàn Quang Huy	
32	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị biến chứng thần kinh ngoại vi trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 của bài thuốc "Giáng đường thông lạc HV"	Thịnh Thị Minh Thu	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	
33	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị của bài thuốc "VCTHV" trong bệnh trào ngược dạ dày thực quản	Vũ Thế Tiếp	TS. Phạm Việt Hoàng	
34	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau dây thần kinh hông to bằng xông thuốc "HV" kết hợp điện châm	Lê Trí Tín	PGS.TS Dương Trọng Nghĩa	
35	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc "BỔ	Nguyễn Thu Trang	PGS.TS Phạm Thúc Hạnh	

		não thông mạch HV" trên bệnh nhân thiếu năng tuần hoàn não			
36	Thạc sĩ	Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang "Hoạt huyết dưỡng cốt HV" trên thực nghiệm	Phạm Thị Thu Trang	PGS.TS Phạm Thúc Hạnh	
37	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc "Cam thảo bạch thực gia giảm" trong điều trị bệnh trào ngược dạ dày thực quản	Nguyễn Đức Tuấn	1.PGS.TS Đoàn Quang Huy 2. TS. Nguyễn Văn Công	
38	Thạc sĩ	Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang "Bổ cốt HV" trên thực nghiệm	Nguyễn Xuân Tùng	PGS.TS Phạm Thúc Hạnh	
39	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc "HV" trên chức năng sinh sản của chuột nhắt cái	Vũ Thanh Tuyền	1.PGS.TS. Đoàn Minh Thụy 2. PGS.TS Trịnh Thế Sơn	

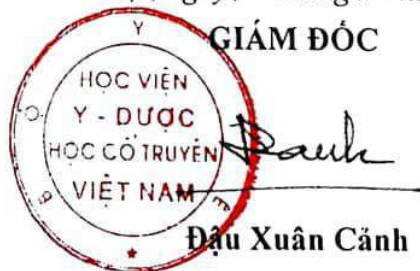
E. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị sông Mêkong	Tháng 7 năm 2019	Học viện YDHCT Việt Nam	300
2	Hội thảo khoa học “Phòng và chữa bệnh từ gốc”	Ngày 05/4/2019	Học viện YDHCT Việt Nam	300
	Hội thảo Khoa học “Cập nhật điều trị kết hợp hai nền y học trong bệnh lý gan mật”.	Ngày 11 tháng 5 năm 2019	Học viện YDHCT Việt Nam	750

G. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KDCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	12/2017	Đạt	Số 08/NQ-HĐKDCLGD ngày 26/3/2018	Đạt	14/5/2018	14/5/2023

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2019

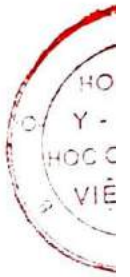


THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Học viện Y Dược học cổ truyền
Việt Nam năm học 2019 – 2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	22.739	x		
a	Trụ sở chính	10.569	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại Đồng Quan	12.739	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	13.750	x		
a	Trụ sở chính	13.650	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại Đồng Quan	100	x		



B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập da năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	1		SV, GV	140,25	x		
2	Phòng thực hành	16		SV, GV	1.718,75	x		
3	Hội trường	1		SV, GV	328	x		
4	Phòng học	24		SV, GV	2.073	x		
5	Phòng học đa phương tiện	2		SV, GV	103,68	x		
6	Phòng học tin học	1	Học tin học	SV, GV	84,35	x		
7	Phòng thi test	1	Thi	SV, GV	56,25	x		
8	Thư viện	1	Học tập và NC	GV, CB, học viên, SV	1.132	x		
9	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	1	KCB, Thực tập LS			x		
10	Bệnh viện thực hành tại Hà Nội	24	Thực hành LS				x	
11	Bệnh viện YHCT tuyến tỉnh	28	Thực tập nghề nghiệp				x	
12	Trạm y tế xã	80	Thực tập cộng đồng				x	
13	Công ty dược	02	Thực tập dược				x	

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	04
2	Số chỗ ngồi đọc	350
3	Số máy tính của thư viện	40
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	9.793 đầu sách sách tiếng Việt và sách ngoại văn, Có 43 tên tạp chí chuyên ngành đào tạo và NCKH; 16 loại báo và tạp chí khác, 969 tài liệu số hóa
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	- http://thuvienykhoea.edu.vn . - Liên kết khai thác kho tài nguyên nội sinh là các đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn luận án, sách của nhà xuất bản ĐHQGHN, bài báo trong Scopus, Web of Science và kỷ yếu các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế http://repository.vnu.edu.vn/

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	5.3
2	Diện tích sàn/sinh viên	3.3

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Tram

GIÁM ĐỐC



Đậu Xuân Cảnh

✓
✓
✓
✓
✓

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2019 – 2020**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
1	Tổng số	231	0									
1	Giảng viên cơ hữu khối ngành khoa học sức khỏe	166	0	19	31	106	10	0	0	135	12	19
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	65	0	0	7	55	3	0	0	61	4	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy khối ngành Khoa học sức khỏe

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Nguyễn Tiến Dũng	08/11/1985		Giảng viên	TS	BM Hóa Dược
2	Vũ Thị Lan Anh	05/01/1982		Phó CN BM	ThS	BM Sinh lý
3	Đỗ Thị Hương	14/06/1981		Giảng viên	ThS	BM Sinh lý
4	Phùng Bá Dương	19/09/1978		Phó CN BM	ThS	BM Hóa sinh
5	Đỗ Thị Hương Lan	26/01/1979		Giảng viên	ThS	BM Hóa sinh
6	Vương Thị Mai Linh	10/12/1981		Phó CN BM	ThS	BM SLB- MD
7	Vũ Thị Thom	07/05/1982		Giảng viên	ThS	BM SLB- MD
8	Nguyễn Anh Thư	30/03/1987		Giảng viên	ThS	BM SLB- MD
9	Nguyễn Thị Phương	07/02/1964		Giảng viên	ThS	BM Điều dưỡng
10	Mai Thủy Mai	20/06/1985		Giảng viên (GV)	ThS	BM Điều dưỡng

11	Phạm Thị Nga	28/09/1988		Giảng viên	ThS	BM Điều dưỡng
12	Vũ Thị Thơ	10/09/1986		Giảng viên	ThS	BM Điều dưỡng
13	Đậu Xuân Cảnh	12/12/1960		Giảng viên cao cấp	PGS	BM Nội
14	Đoàn Quang Huy	19/05/1965		Giảng viên cao cấp	PGS	BM Nội
15	Phạm Việt Hoàng	02/02/1959		Giảng viên chính	TS	BM Nội
16	Vũ Thị Thuận	15/07/1966		PCN BM (GV)	CKII	BM Nội
17	Trần Thị Thu Vân	15/09/1972		Giảng viên cao cấp	PGS	BM Nội
18	Trần Thị Thu Hương	04/12/1977		Giảng viên	ThS	BM Nội
19	Nguyễn Tiến Chung	22/12/1981		Giảng viên	TS	BM Nội
20	Nguyễn Minh Hà	16/02/1985		Giảng viên	ThS	BM Nội
21	Trần Anh Tuấn	28/11/1983		Giảng viên	TS	BM Nội
22	Lê Thị Lan	18/01/1965		Giảng viên	ThS	BM Nội
23	Nguyễn Thị Ngọc	02/07/1988		Giảng viên	ThS	BM Nội
24	Lê Thủy Hạnh	08/06/1982		Giảng viên	ThS	BM Nội
25	Thịnh Thị Minh Thu	15/12/1988		Giảng viên	DH	BM Nội
26	Hoàng Thị Tuyết	18/04/1987		Giảng viên	ThS	BM Nội
27	Nguyễn Du	07/11/1965		Phó CN BM	ThS	BM Nội
28	Trần Thị Kim Thư	12/11/1972		Phó CN BM	CKII	BM Nội
29	Trần Thị Thu Hương	07/10/1970		Giảng viên	ThS	BM Nội
30	Trần Hải Yến	17/03/1987		Giảng viên	ThS	BM Nội
31	Đặng Việt Sinh	08/11/1969		Giảng viên	ThS	BM Nội
32	Đỗ Thị Thúy Anh	30/03/1973		Giảng viên	ThS	BM Nội
33	Trần Thị Minh	25/05/1981		Giảng viên	ThS	BM Nội
34	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/12/1973		Giảng viên, TrK	CKII	BM Nội
35	Nguyễn Văn Hải	02/08/1985		Giảng viên	ThS	BM Nội
36	Trần Văn Phú	18/01/1970		Giảng viên, Phó TP	ThS	BM HSCC và CD
37	Phạm Thái Hưng	03/10/1973		Phó CN PT BM	TS	BM Ngoại
38	Trần Quốc Lâm	20/05/1977		Giảng viên	TS	BM Ngoại

39	Doàn Minh Thủy	01/03/1971	Phó CN, GVCC	PGS	BM Ngoại
40	Lữ Doãn Hoạt Mươi	14/04/1983	Giảng viên	ĐH	BM Ngoại
41	Dặng Thị Lan Phương	14/03/1989	Giảng viên	ThS	BM Ngoại
42	Phạm Văn Thương	09/04/1962	Phó CN PT BM	CKII	BM CDHA
43	Nguyễn Thị Thủy Ngân	26/03/1987	Giảng viên	ĐH	BM CDHA
44	Phan Thị Hoa	08/12/1973	Phó CN BM	TS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
45	Trần Thị Thu Hà	13/01/1968	PCN BM, Bác sĩ	ThS	K. Nhi và CBLSND
46	Nguyễn Mạnh Hải	17/08/1961	Trưởng khoa U bướu	CKII	BM Truyền nhiễm - Da liễu
47	Trần Thị Thu Hiền	14/01/1979	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
48	Lê Thị Phương Thảo	13/12/1988	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
49	Đinh Thị Thúy Hà	19/07/1972	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
50	Trần Thanh Hà	20/10/1989	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
51	Phạm Thị Việt Hà	30/10/1982	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
52	Nguyễn Thị Phương	09/01/1987	Giảng viên	ThS	BM Truyền nhiễm - Da liễu
53	Lã Thanh Hà	04/01/1967	Phó trưởng phụ trách khoa. Bác sĩ	ThS	K. Da liễu
54	Nguyễn Thị Hoa	02/09/1965	Trưởng khoa	CKI	K. Nhi và CBLSND
55	Đỗ Linh Quyên	22/11/1969	PCN BM, GVC	ThS	BM Phương tễ
56	Quách Thị Diễm Hằng	12/10/1975	Giảng viên (GV)	ThS	BM Phương tễ
57	Trần Thị Thúy Phương	11/07/1987	Giảng viên	ThS	BM Phương tễ
58	Phạm Quốc Sự	04/05/1972	Phó CN BM	ThS	BM Phương tễ
59	Nguyễn Thị Trang	16/04/1988	Giảng viên	Ths	BM Phương tễ
60	Bùi Phương Mai	15/12/1988	Giảng viên	ThS	BM Phương tễ
61	Nguyễn Thùy Dương	19/01/1987	Giảng viên	ThS	BM Phương tễ
62	Phạm Quốc Bình	25/4/1968	BM Y lý YHCT, GVCC	PGS	BM Y lý YHCT
63	Lê Thị Thanh Nhạn	25/01/1965	PGĐ BVTT, PCN, GVCC	PGS	BM Y lý YHCT

64	Trương Việt Bình	07/09/1955		Giảng viên cao cấp	PGS	BM Y lý YHCT
65	Lưu Minh Trung	22/11/1971		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
66	Trần Thị Hồng Ngải	24/09/1972		Giảng viên chính	ThS	BM Y lý YHCT
67	Nguyễn Thị Lan	16/05/1988		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
68	Nguyễn Trường Nam	01/05/1987		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
69	Nguyễn Thị Huyền	04/04/1987		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
70	Nguyễn Thị Thu Trang	18/10/1988		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
71	Lê Đức Khang	05/01/1988		Giảng viên	ĐH	BM Y lý YHCT
72	Nguyễn Phạm Thu Mây	15/12/1988		Giảng viên	ThS	BM Y lý YHCT
73	Lê Thị Việt Hà	24/10/1976		Phó CN PT BM	ThS	BM Vi sinh- KST
74	Lê Văn Dũng	16/05/1981		Phó CN BM	ThS	BM Vi sinh- KST
75	Lê Thị Tuyết	03/01/1962		Giảng viên	PGS	BM Vi sinh- KST
76	Đỗ Lan Phương	20/10/1987		Giảng viên	ĐH	BM Vi sinh- KST
77	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/05/1984		Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
78	Nguyễn Thị Hương	17/02/1987		Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
79	Nguyễn Thị Giang	20/08/1986		Giảng viên	ThS	BM Vi sinh- KST
80	Chu Văn Đức	17/10/1978		Phó CN PT BM	TS	BM Giải phẫu bệnh
81	Hoàng Cao Hiếu	24/12/1983		Giảng viên	ThS	BM Giải phẫu - Mô học
82	Quách Thị Yên	06/04/1980		Giảng viên	ThS	BM Giải phẫu - Mô học
83	Nguyễn Huyền Trang	13/11/1985		Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu - Mô học
84	Cù Thị Bích Thủy	19/05/1987		Giảng viên	ĐH	BM Giải phẫu - Mô học
85	Lưu Minh Châu	17/10/1971		CN BM	TS	BM YTCC
86	Nguyễn Văn Bình	20/12/1964		Phó CN BM	ThS	BM YTCC
87	Định Văn Tài	01/12/1974		Giảng viên	ThS	BM YTCC
88	Trần Thị Minh Tâm	25/02/1972		Giảng viên cao cấp	PGS	BM YTCC
89	Bàng Thị Hoài	05/05/1987		Giảng viên	ThS	BM YTCC
90	Lương Thị Thu Hà	19/06/1981		Giảng viên	ThS	BM YTCC
91	Mai Thị Hương	26/10/1984		Giảng viên	ThS	BM YTCC

92	Trương Thị Minh Trang	04/07/1981		Chuyên viên	ThS	BM YTCC
93	Nguyễn Thanh Nga	07/12/1984		Giảng viên	ThS	BM YTCC
94	Đinh Thị Hương	05/12/1980		Chuyên viên	ThS	BM YTCC
95	Đỗ Văn Pha	30/06/1972		Trưởng Phòng	ThS	BM YTCC
96	Nguyễn Văn Quân	04/09/1964		Phó CN PT BM	TS	BM Quản lý & KTD
97	Bùi Thị Ngoan	13/04/1983		Phó CN BM	ThS	BM Bảo chế CN dược
98	Nguyễn Thị Thu Nga	26/08/1970		Giảng viên	ThS	BM Bảo chế CN dược
99	Trần Thị Thu Hiền	10/10/1983		Phó CN BM	ThS	BM Thực vật - DL - ĐD
100	Nguyễn Duy Thuận	02/06/1956		GV Cao cấp	PGS	BM Thực vật - DL - ĐD
101	Nguyễn Thị Hiền	20/09/1988		Giảng viên	ThS	BM Thực vật - DL - ĐD
102	Lê Thị Thu Hà	29/06/1978		Giảng viên	ThS	BM Thực vật - DL - ĐD
103	Đỗ Thị Hồng Sâm	28/09/1977		Phó CN BM	ThS	BM Dược lý - DLS
104	Tô Lê Hồng	05/12/1977		Phó CN BM	ThS	BM Dược lý - DLS
105	Nguyễn Thị Minh Thu	13/4/1975		Giảng viên	TS	BM Dược lý - DLS
106	Tống Thị Mai Vân	19/11/1982		Giảng viên	ThS	BM Dược lý - DLS
107	Bùi Thị Hào	16/08/1986		Giảng viên	ThS	BM Dược lý - DLS
108	Nguyễn Thị Châu Giang	28/03/1978		Phó CN PT BM	ThS	BM KNT và độc chất
109	Nguyễn Thị Vân Anh	27/09/1981		Phó CN BM	ThS	BM KNT và độc chất
110	Trần Văn Thanh	06/02/1963		Chủ nhiệm	TS	BM Hóa dược
111	Nguyễn Phương Dung	02/02/1984		Phó CN BM	ThS	BM Hóa dược
112	Nguyễn Thị Thúy	15/09/1974		Phó CN Phụ trách BM	TS	BM Sản phụ khoa
113	Phạm Quỳnh Lâm	28/09/1973		Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
114	Phạm Thúy Phương	02/11/1974		Phó Tkhoa Lão	CKII	BM Sản phụ khoa
115	Hoàng Thúy Hồng	23/10/1987		Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
116	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/02/1984		Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa
117	Vũ Thị Tố	03/05/1985		Giảng viên	ThS	BM Sản phụ khoa

	Trình				
118	Nguyễn Đăng Tuấn	30/01/1960	Phó CN PT BM, GVC	ThS	BM Nhi
119	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	07/06/1982	Giảng viên	ThS	BM Nhi
120	Nguyễn Nhật Minh	09/02/1961	Giảng viên	CKI	BM Nhi
121	Bùi Thị Hương Thu	19/01/1983	Giảng viên	ThS	BM Nhi
122	Phạm Hà Ly	23/12/1985	Giảng viên	ThS	BM Nhi
123	Nguyễn Thị Hồng Minh	03/11/1987	Giảng viên	ThS	BM Nhi
124	Lê Thị Kim Dung	20/08/1962	Giảng viên chính	TS	BM KCDS- XBBH
125	Phạm Thanh Tùng	11/05/1968	Phó T.khoa XBBH, Bác sĩ	ThS	BM KCDS- XBBH
126	Trần Hồng Nhung	26/10/1989	Giảng viên	ĐH	BM KCDS- XBBH
127	Trương Anh Tuấn	01/11/1982	Giảng viên	ThS	BM KCDS- XBBH
128	Trần Đức Hữu	02/01/1981	PCN BM, Giảng viên	TS	BM Châm cứu
129	Đỗ Thị Thanh Chung	16/10/1981	Phó T.K. CC, Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
130	Phạm Thị Cẩm Yên	26/09/1974	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
131	Nguyễn Đức Thái	16/07/1986	Giảng viên	ThS	BM Châm cứu
132	Nguyễn Hồng Dương	16/02/1987	Giảng viên	ĐH	BM Châm cứu
133	Nguyễn Võ Hoàng Anh	01/11/1973	Giảng viên	ThS	BM Răng hàm mặt
134	Cao Thị Vân Anh	14/06/1976	PCN BM, Giảng viên	ThS	BM Răng hàm mặt
135	Đàm Thị Thu Hằng	16/11/1982	Giảng viên	ThS	BM Răng hàm mặt
136	Nguyễn Văn Đông	10/04/1964	Phụ trách K RHM, Phụ trách BM, Bác sĩ	ThS	BM Răng hàm mặt
137	Nguyễn Thị Phương Thanh	28/05/1981	Giảng viên	CKI	BM Răng hàm mặt
138	Nguyễn Xuân Hòa	16/07/1973	Giảng viên	TS	BM Tai Mũi Họng
139	Ngô Văn Trọng	06/11/1981	Giảng viên	ĐH	BM Tai Mũi Họng
140	Nguyễn Thị Thu Trang	19/09/1984	Giảng viên	ThS	BM Mắt
141	Nguyễn Thị	30/10/1969	PCN BM	TS	BM Lão khoa

	Kim Ngân			,GVC		
142	Tống Thị Tam Giang	14/11/1975		Giảng viên chính	TS	BM Lão khoa
143	Nguyễn Thị Hong Yến	18/06/1969		Giảng viên chính	ThS	BM Lão khoa
144	Phùng Thủy Trang	08/11/1988		Giảng viên	ThS	BM Lão khoa
145	Nguyễn Vinh Huy Chính	06/08/1973		Giảng viên, TrK	ThS	BM PHCN
146	Dương Thị Thủy Hòa	04/04/1971		Giảng viên	CKI	BM PHCN
147	Nguyễn Thị Phương Thủy	28/09/1987		Giảng viên	ThS	BM PHCN
148	Nguyễn Duy Thức	27/10/1978		Dược sĩ	ThS	BM Thực hành Dược khoa
149	Trần Thị Hồng Phương	10/09/1962		Chuyên viên cao cấp	PGS	BM YTCC
150	Bùi Thị Văn Anh	30/04/1971		Phó CN BM Mắt	TS	BM Mắt
151	Nguyễn Tuấn Bình	19/10/1959		Phó chủ nhiệm BM Y tế công cộng	PGS	BM YTCC
152	Hoàng Cương	08/12/1968		Phó CN BM Mắt	TS	BM Mắt
153	Vũ Đức Định	16/12/1967		Phó CN BM Hồi sức cấp cứu và Chống độc	PGS	BM HSCC và CĐ
154	Đỗ Thị Phương Hà	12/08/1972		Chủ nhiệm BM Dinh dưỡng và ATTP	TS	BM DD&ATTP
155	Nguyễn Xuân Hiệp	26/06/1963		Chủ nhiệm BM Mắt	TS	BM Mắt
156	Nguyễn Thị Thái Hòa	24/01/1976		Chủ nhiệm BM Ung thư	TS	BM Ung bướu
157	Nguyễn Trọng Hưng	02/10/1977		Phó CN BM Dinh dưỡng và ATTP	TS	BM DD&ATTP
158	Nguyễn Thị Hương	17/09/1977		Phó CN BM Ung thư	ThS	BM Ung bướu
159	Phùng Thị Huyền	02/09/1978		Phó CN BM Ung thư	TS	BM Ung bướu
160	Nguyễn Mạnh Khánh	24/02/1975		Phó chủ nhiệm BM Ngoại YHHD	PGS	BM Ngoại
161	Phạm Vũ Khánh	17/01/1960		Chủ nhiệm BM Lão	PGS	BM Lão khoa
162	Lê Minh Kỳ	16/03/1967		Chủ nhiệm BM Tai Mũi	PGS	BM Tai Mũi Họng

			Hạng		
163	Bùi Nam Phong	02/09/1970	Phó CN BM Hồi sức cấp cứu và Chống độc	ThS	BM HSCC và CD
164	Nguyễn Bá Quang	04/09/1959	Phó chủ nhiệm BM Châm cứu	PGS	BM Châm cứu
165	Nguyễn Đức Tiền	16/04/1959	Chủ nhiệm BM Ngoại YHHD	PGS	BM Ngoại
166	Lê Quốc Việt	28/04/1959	Chủ nhiệm BM Nội YHHD	PGS	BM Nội

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi:

Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi: 14,7

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019 *Trần*
GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh
Đậu Xuân Cảnh



THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ISV/ năm năm học 2018 - 2019	Dự kiến Học phí/ISV của cả khóa học
I	Học phí chính quy			
1	Tiến sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	29,50	118 (4 năm)
2	Thạc sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	17,70	35,4 (2 năm)
3	Bác sĩ nội trú	Triệu đồng/năm	17,70	53,1 (3 năm)
4	Bác sĩ chuyên khoa II	Triệu đồng/năm	29,50	59,0 (2 năm)
5	Bác sĩ chuyên khoa I	Triệu đồng/năm	17,70	35,4 (2 năm)
6	Đại học khối ngành Y (chính quy, liên thông)	Triệu đồng/năm	11,8	70,8 (6 năm)
7	Đại học khối ngành Dược	Triệu đồng/năm	11,8	59,0 (5 năm)
8	Đại học khối ngành Y (hệ LK Thiên Tân)	Triệu đồng/năm	14.000 tệ	
II	Tổng thu năm 2018	Tỷ đồng	95,978	95,978
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	35,385	35,385
2	Từ học phí	Tỷ đồng	59,192	59,192
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cấp bộ	Tỷ đồng	0	0
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	1,401	1,401

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019 *TCN*